

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2026
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Ngọc

Bà Trần Thị Chín

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Dương Hoài Thảo, chức danh Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số: 63/2026/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1993.

Cư trú tại: thôn V, xã B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: anh Nguyễn Tấn G, sinh năm 1993.

Cư trú tại: thôn T, xã B, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 01/12/2025 quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày: Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Tấn G tự nguyện chung sống, kết hôn năm 2018, tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không cải thiện được, vợ chồng đã sống ly thân liên tục từ năm 2022 đến nay, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, sống bỏ mặc nhau; hiện nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai giải quyết cho chị H được ly hôn với anh G.

Về con chung: có 02 con chung là các cháu Nguyễn Hoàng Mộc T, sinh năm 2018;

cháu Nguyễn Hoàng Trà M, sinh năm 2021; sau ly hôn chị H có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu thành niên; yêu cầu anh Giàu có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng, mỗi cháu là 2.000.000đ cho đến khi các cháu thành niên; trường hợp cả hai bên đều trực tiếp nuôi con, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: không có.

Ngoài ra, không yêu cầu giải quyết nội dung gì thêm.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn G trình bày: anh G thừa nhận lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, kết hôn; mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, sống ly thân từ năm 2021 đến năm 2022 có quay lại chung sống nhưng mâu thuẫn không được cải thiện vẫn tái diễn nên tiếp tục sống ly thân từ năm 2022 liên tục đến nay, không có sự thương yêu, chăm sóc nhau, kinh tế độc lập, sống bỏ mặc nhau; hiện nay chị H yêu cầu ly hôn anh G đồng ý.

Về con chung: có 02 con chung là các cháu Nguyễn Hoàng Mộc T, sinh năm 2018; cháu Nguyễn Hoàng Trà M, sinh năm 2021; Sau ly hôn anh Giàu có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục một hoặc cả hai cháu cho đến khi các cháu thành niên; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: không có.

Ngoài ra, không yêu cầu giải quyết nội dung gì thêm.

Về tài liệu, chứng cứ: Nguyên đơn, bị đơn nộp tài liệu, chứng cứ như trong hồ sơ vụ án; ngoài ra không giao nộp gì thêm.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai phát biểu quan điểm: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa; căn cứ các Điều 51, 56, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, về tình cảm chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Tấn G; về con chung giao cháu Nguyễn Hoàng Mộc T, sinh năm 2018 cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên, giao cháu Nguyễn Hoàng Trà M, sinh năm 2021 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, xác định được anh Nguyễn Tấn G và chị Trần Thị Thu H tự nguyện chung sống, kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước phù

hợp với bản trích lục kết hôn, được chị H giao nộp hợp pháp tại Tòa án. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Tấn G và chị Trần Thị Thu H là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Qua nội dung lời khai của chị H và anh G xác định được vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có sự bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, sống ly thân từ năm 2022 liên tục đến nay, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, sống bỏ mặc nhau. Như vậy, có căn cứ xác định giữa anh G và chị H là có mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[2] Về con chung: có 02 con chung là các cháu Nguyễn Hoàng Mộc T, sinh năm 2018; cháu Nguyễn Hoàng Trà M, sinh năm 2021; các bên đương sự đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, phía anh G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị H yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng, mỗi cháu 2.000.000đ cho đến khi các cháu thành niên, trường hợp mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung thì chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Nguyễn Tấn G và chị Trần Thị Thu H đều đủ điều kiện để nuôi con, không ai bị hạn chế quyền nuôi con theo quy định của pháp luật, đều có lối sống lành mạnh, có đạo đức tốt, có nghề nghiệp, thu nhập khá ổn định để bảo đảm cuộc sống cho bản thân và con; trong thời gian anh G và chị H sống ly thân và hiện nay anh G là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Mộc T, chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Trà M các cháu đều được chăm sóc, phát triển tốt về cả thể chất và tinh thần; qua lời khai của cháu Nguyễn Hoàng Mộc T, sinh năm 2018 có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với ba; để các cháu tiếp tục ổn định cuộc sống sinh hoạt cần giao cho anh G nuôi dưỡng cháu T, chị H nuôi dưỡng cháu M; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về tài sản, nợ chung: không có.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ Luật Tố tụng dân sự đương sự phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Tấn G. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49 ngày 03/10/2018 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước không có giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: giao cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Trà M, sinh năm 2021 cho đến khi cháu M thành niên; giao cho anh Nguyễn Tấn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Mộc T, sinh năm 2018 cho đến khi cháu Trà thành N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hai bên cha mẹ có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về tài sản, nợ chung: không có.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Thu H nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0003025, ngày 02/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 12;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND xã, phường (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án (10).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LƯU THÙY LINH